

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2022/HNGĐ- ST

Ngày : 26.5.2022

V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH L. ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Quế

2. Ông Hoàng Văn Đăng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vương- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L. Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 65/2022/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trần Thanh L**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn 5, xã LQ, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Chị **Đỗ Thị H**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ 11, Khu phố LD 1, phường TĐ, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

Anh L, chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2021, bổ sung ngày 08/02/2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị Đỗ Thị H chung sống với nhau từ năm 2001, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã LQ, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 30/10/2001. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống ổn định tại thôn 5, xã LQ, huyện B, cuối năm 2016 vợ chồng mâu thuẫn nên ly thân cho đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, chỉ là sự ràng buộc lẫn nhau trong việc thực hiện nghĩa vụ của vợ, chồng. Năm 2016 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến không thể hàn gắn được. Lý do là phát sinh từ kinh tế gia đình và do chị H gây nên. Chị H tự ý quyết định toàn bộ kinh tế trong gia

định, không bàn bạc với chồng, dẫn đến bị người khác giật nợ mất hết tiền bạc, tài sản, làm cho kinh tế gia đình rơi vào kiệt quệ, nợ nần, mất hết nhà cửa và không thể phục hồi được. Từ đó vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không có tiếng nói chung, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, ly thân từ năm 2016 đến nay nên anh L yêu cầu giải quyết được ly hôn với chị H.

Về con chung: Quá trình chung sống anh L và chị H có 02 con chung là Trần Đỗ Hoài T, sinh năm 2002 và Trần Đỗ Bảo L1, sinh ngày 30/8/2008. Nay ly hôn anh L đồng ý giao con chung là Trần Đỗ Bảo L1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh L không cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con là Trần Đỗ Hoài T đã trên 18 tuổi và tự lao động được nên anh L không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống đến nay anh L và chị H không có tài chung và không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống anh L và chị H không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết

Tại bản tự khai ngày 10/3/2022, biên bản lấy lời khai ngày 10/3/2022, bị đơn chị Đỗ Thị H trình bày:

Chị H đồng ý và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B giải quyết ly hôn giữa anh L với chị H.

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian tìm hiểu, chung sống, đăng ký kết hôn chị H thừa nhận như anh L đã trình bày. Vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2001, cuộc sống hạnh phúc. Đến 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là đúng và đã ly thân đến nay. Lý do là từ kinh tế, chị H thừa nhận do chị làm ăn bị thua lỗ, khi làm ăn chị không bàn bạc với ông L, tự vay nhiều khoản vay bên ngoài sau đó đầu tư làm ăn nhưng bị người khác lừa nên L vào cảnh nợ nần, bán hết tài sản. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, phận ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc nhau nên anh L yêu cầu ly hôn chị H cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị H thừa nhận chị và anh L có 02 con chung là Trần Đỗ Hoài T, sinh năm 2002 và Trần Đỗ Bảo L1, sinh ngày 30/8/2008. Từ khi ly thân đến nay chị H đang trực tiếp nuôi cháu Long. Nay ly hôn chị H yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Long đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con là Trần Đỗ Hoài T, sinh năm 2002 đã trên 18 tuổi và tự lao động được nên chị H không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H và anh L không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị H và anh L không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 28/4/2022 nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kết thúc phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng

trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh L và chị H được ly hôn. Về con chung cần xem xét giao con là Trần Đỗ Bảo L1, sinh ngày 30/8/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Đối với con chung là Trần Đỗ Hoài T, sinh năm 2002 đã trên 18 tuổi và tự lao động được và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét. Về án phí đề nghị giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn chị Đỗ Thị H hiện nay đang cư trú tại tổ 11, khu phố LD 1, phường TP, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai. Chị H đồng ý và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết ly hôn giữa anh Trần Thanh L và chị Hà. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

1. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn anh Trần Thanh L và bị đơn chị Đỗ Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 328 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thanh L và chị Đỗ Thị H chung sống với nhau từ 2001, chung sống tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã LQ, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 30/10/2001. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình cần được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, ổn định tại thôn 5, xã LQ, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Từ năm 2016 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến ly thân đến nay không thể hàn gắn. Mâu thuẫn phát sinh từ kinh tế gia đình, anh L và chị H đều thừa nhận. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng ly thân đã lâu, phận ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải nhưng cả hai đều có đơn xin vắng mặt, không hàn gắn đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị H đã trầm trọng, không thể tiếp tục kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh L và chị H được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Căn cứ vào lời khai của anh L và chị H, bản sao giấy khai sinh thì thấy rằng quá trình chung sống hai người có 02 con chung là Trần Đỗ Hoài T, sinh năm 2002 và Trần Đỗ Bảo L1, sinh ngày 30/8/2008. Đối với cháu

Thương đã trên 18 tuổi và tự lao động được, cả anh L và chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Đối với cháu Long hiện nay đang được chị H trực tiếp nuôi dưỡng, con phát triển tốt, học tập bình thường, cháu Long cũng có nguyện vọng được ở với chị H. Đồng thời anh L và chị H thỏa thuận về việc giao con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và pháp luật. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, căn cứ vào các Điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung là Trần Đỗ Bảo L1, sinh ngày 30/8/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Anh L và chị H thống nhất trình bày không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về nợ chung: Anh L và chị H thống nhất trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc anh Trần Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều các điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh L đối với chị Đỗ Thị H về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Thanh L và chị Đỗ Thị H được ly hôn.

2. Về con chung: Buộc anh Trần Thanh L có trách nhiệm giao con chung là Trần Đỗ Bảo L1, sinh ngày 30/8/2008 cho chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với con chung là Trần Đỗ Hoài T, sinh năm 2002 đã trên 18 tuổi, tự lao động được, anh L và chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc anh Trần Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh L đã nộp tại

biên lai nộp tiền số 0004344 ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã LQ, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)
Nguyễn Thị Bích Thủy

